

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 64/2016/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2016

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm tra an toàn giao thông

1. Cá nhân tham gia thẩm tra an toàn giao thông (sau đây gọi là thẩm tra viên) phải có chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ còn giá trị sử dụng do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp.

2. Cá nhân đảm nhận chức danh Chủ nhiệm thẩm tra an toàn giao thông, ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, còn phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Đảm nhận chức danh Chủ nhiệm đề án thiết kế ít nhất 03 công trình đường bộ;

b) Có trình độ từ đại học trở lên về chuyên ngành công trình đường bộ, có thời gian làm việc về thiết kế công trình đường bộ ít nhất 07 năm;

c) Có trình độ từ đại học trở lên, chuyên ngành giao thông đường bộ về

công trình đường bộ, vận tải đường bộ và có thời gian ít nhất 10 năm tham gia hoạt động trong các lĩnh vực: Quản lý giao thông, vận tải đường bộ, xây dựng đường bộ, bảo trì đường bộ; trong đó, đã tham gia xử lý an toàn giao thông từ 03 công trình đường bộ trở lên.

3. Nhà thầu tư vấn thực hiện thẩm tra an toàn giao thông phải đáp ứng điều kiện sau:

a) Đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A và nhóm B, phải có ít nhất 10 thẩm tra viên; trong đó, tối thiểu có 04 kỹ sư công trình đường bộ, 01 kỹ sư vận tải đường bộ và tối thiểu có 01 người đủ điều kiện làm Chủ nhiệm thẩm tra an toàn giao thông;

b) Đối với dự án nhóm C và công trình đường bộ đang khai thác, phải có ít nhất 05 thẩm tra viên; trong đó, tối thiểu có 01 kỹ sư công trình đường bộ, 01 kỹ sư vận tải đường bộ và tối thiểu có 01 người đủ điều kiện làm Chủ nhiệm thẩm tra an toàn giao thông.”.

2. Bổ sung Điều 12a, Điều 12b, Điều 12c, Điều 12d, Điều 12đ, Điều 12e và Điều 12g vào sau Điều 12 như sau:

“Điều 12a. Điều kiện của cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

1. Là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Về cơ sở vật chất

a) Bảo đảm phòng học có quy mô và tiện nghi phù hợp với số lượng học viên; diện tích phòng học tối thiểu đạt 1,5 m²/chỗ học;

b) Có phương tiện, thiết bị đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập.

3. Về đội ngũ giảng viên

a) Có số giảng viên cơ hữu đảm nhận giảng dạy ít nhất 40% số lượng chuyên đề của chương trình khung đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ;

b) Tiêu chuẩn của giảng viên theo quy định tại khoản 1 Điều 12c của Nghị định này.

4. Về tài liệu giảng dạy

a) Tài liệu giảng dạy phải được in, đóng thành quyển kèm theo bộ đề kiểm tra của chương trình đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ;

b) Nội dung tài liệu giảng dạy phù hợp với quy định của Bộ Giao thông vận tải về chương trình khung đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

5. Về quản lý công tác đào tạo

a) Có bộ máy quản lý đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn và nghiệp vụ để tổ chức các khóa đào tạo, lưu trữ hồ sơ học viên, hồ sơ tài liệu liên quan đến công tác đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ;

b) Người phụ trách khóa học có kinh nghiệm 05 năm trở lên trong việc tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn hoặc đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về các lĩnh vực giao thông vận tải.

6. Được Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ (sau đây gọi là Giấy chấp thuận).

Điều 12b. Trình tự, thủ tục chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ (sau đây gọi là cơ sở đào tạo)

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận cơ sở đào tạo được lập thành 01 bộ, bao gồm:

a) Công văn đề nghị chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ hoặc Quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

c) Kê khai về cơ sở vật chất;

d) Danh sách giảng viên, cán bộ quản lý, có kê khai về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong hoạt động nghề nghiệp, kèm theo bản sao hợp đồng giảng dạy hoặc hợp đồng lao động;

đ) Bản dự thảo chương trình, tài liệu giảng dạy.

2. Trong trường hợp Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ được cấp bị mất hoặc bị hư hỏng, cơ sở đào tạo lập hồ sơ đề nghị cấp lại bao gồm:

a) Công văn đề nghị cấp lại Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục VII kèm theo Nghị định này;

b) Giấy chấp thuận cũ, đối với trường hợp bị hư hỏng.

3. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục chấp thuận cơ sở đào tạo, thủ tục cấp lại Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo:

a) Tổ chức có nhu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

b) Tổng cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

Đối với trường hợp nộp trực tiếp: Sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận ngay hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn trực tiếp cho tổ chức, hoặc cá nhân đại diện cho tổ chức hoàn thiện hồ sơ;

Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu điện: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức đã nộp hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ.

c) Tổng cục Đường bộ Việt Nam tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, cấp Giấy chấp thuận hoặc cấp lại Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ. Trường hợp không cấp Giấy chấp thuận hoặc không cấp lại Giấy chấp thuận, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Thời hạn giải quyết thủ tục chấp thuận cơ sở đào tạo trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Thời hạn giải quyết thủ tục cấp lại Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

5. Danh sách cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

Điều 12c. Giảng viên và học viên tham gia đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

1. Giảng viên tham gia giảng dạy đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ phải đáp ứng một trong các điều kiện dưới đây:

a) Đủ điều kiện đảm nhận chức danh Chủ nhiệm thẩm tra an toàn giao thông đường bộ;

b) Có trình độ từ đại học trở lên về chuyên ngành giao thông đường bộ và có ít nhất 10 năm tham gia hoạt động trong các lĩnh vực: Giảng dạy về an toàn giao thông đường bộ; quản lý nhà nước về an toàn giao thông đường bộ; soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn giao thông đường bộ.

2. Học viên phải đảm bảo các điều kiện sau đây:

a) Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam;

b) Có năng lực hành vi dân sự; có đủ sức khỏe;

c) Có trình độ từ đại học trở lên về chuyên ngành công trình đường bộ và có thời gian làm việc về thiết kế công trình đường bộ ít nhất 03 năm; hoặc có trình độ từ đại học trở lên và có thời gian ít nhất 05 năm tham gia hoạt động trong các lĩnh vực: Quản lý giao thông, vận tải đường bộ, xây dựng đường bộ, bảo trì đường bộ.

Điều 12d. Cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

1. Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ (sau đây gọi là chứng chỉ) được Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp và quản lý thống nhất trong phạm vi cả nước, theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này. Chứng chỉ có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp, trừ trường hợp cấp lại.

2. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ do cơ sở đào tạo lập thành 01 bộ, bao gồm:

a) Tờ trình cấp chứng chỉ theo mẫu quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định này;

b) Quyết định công nhận kết quả thi của học viên tham gia khóa đào tạo;

c) 02 ảnh màu của mỗi học viên đề nghị cấp chứng chỉ, ảnh cỡ 4 cm x 6 cm, nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

3. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục cấp chứng chỉ:

a) Cơ sở đào tạo có nhu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

b) Tổng cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

Đối với trường hợp nộp trực tiếp: Sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận ngay hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn trực tiếp cho cơ sở đào tạo hoàn thiện hồ sơ;

Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu điện: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, phải có văn bản hướng dẫn cho cơ sở đào tạo hoàn thiện hồ sơ.

c) Tổng cục Đường bộ Việt Nam tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, cấp chứng chỉ cho từng học viên có kết quả thi đạt yêu cầu có tên trong Tờ trình của cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp chứng chỉ, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Thời hạn giải quyết thủ tục cấp chứng chỉ trong 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Danh sách thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ được cấp chứng chỉ được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

Điều 12đ. Cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

1. Điều kiện để được cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ:

a) Trong thời hạn sử dụng của chứng chỉ, thẩm tra viên phải tham gia thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ hoặc tham gia thiết kế, thẩm định phê duyệt xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông ít nhất 03 công trình;

b) Việc cấp đổi chứng chỉ được thực hiện trong khoảng thời gian từ 01 đến 03 tháng trước khi chứng chỉ hết thời hạn sử dụng.

2. Hồ sơ đề nghị cấp đổi chứng chỉ do cá nhân lập thành 01 bộ, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp đổi chứng chỉ theo mẫu quy định tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định này;

b) Bản khai kinh nghiệm thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ, thiết kế, thẩm định phê duyệt xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trong thời gian có hiệu lực của chứng chỉ xin cấp đổi, bản khai theo mẫu quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này.

3. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục cấp đổi chứng chỉ

a) Cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

b) Tổng cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

Đối với trường hợp nộp trực tiếp: Sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận ngay hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn trực tiếp cho người nộp hoàn thiện hồ sơ;

Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu điện: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, phải có văn bản hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ.

c) Tổng cục Đường bộ Việt Nam tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, cấp đổi chứng chỉ. Trường hợp không cấp đổi chứng chỉ, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Thời hạn giải quyết thủ tục cấp đổi chứng chỉ trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Chứng chỉ cấp đổi có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp đổi.

Điều 12e. Cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

1. Trong thời hạn sử dụng của chứng chỉ, trừ các trường hợp bị thu hồi theo quy định tại khoản 2 Điều 12g, thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ được cấp lại chứng chỉ khi chứng chỉ bị mất, bị hư hỏng.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ do cá nhân lập thành 01 bộ, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ theo mẫu quy định tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định này;

b) Chứng chỉ cũ, đối với trường hợp bị hư hỏng.

3. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục cấp lại chứng chỉ:

a) Cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

b) Tổng cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

Đối với trường hợp nộp trực tiếp: Sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận ngay hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn trực tiếp cho người nộp hoàn thiện hồ sơ;

Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu điện: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, phải có văn bản hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ.

c) Tổng cục Đường bộ Việt Nam tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, cấp lại chứng chỉ. Trường hợp không cấp lại chứng chỉ, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Thời hạn giải quyết thủ tục cấp lại chứng chỉ trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Chứng chỉ cấp lại có thời hạn theo thời hạn của chứng chỉ đã cấp.

Điều 12g. Thu hồi Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo, thu hồi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

1. Thu hồi Giấy chấp thuận đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ sở đào tạo thực hiện đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ không theo chương trình khung do Bộ Giao thông vận tải ban hành;

b) Cơ sở đào tạo công nhận kết quả thi cho người không tham dự khóa đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ;

c) Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chấp thuận, cơ sở đào tạo không thực hiện đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

2. Thu hồi chứng chỉ đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Tẩy, xóa, sửa chữa nội dung chứng chỉ;

b) Cho thuê, mượn để sử dụng trái quy định;

c) Phát hiện có sự không trung thực về điều kiện của học viên trong hồ sơ đăng ký học của học viên;

d) Được cấp trong trường hợp cơ sở đào tạo vi phạm quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chấp thuận, chứng chỉ thực hiện việc thu hồi Giấy chấp thuận, chứng chỉ.

Quyết định thu hồi Giấy chấp thuận được gửi đến: Cơ sở đào tạo, cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý cơ sở đào tạo (nếu có) và được công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan cấp Giấy chấp thuận.

Quyết định thu hồi chứng chỉ được gửi đến: Cá nhân bị thu hồi chứng chỉ, cơ sở đào tạo, cơ quan quản lý cá nhân bị thu hồi chứng chỉ (nếu có) và được công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan cấp chứng chỉ.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phát hiện, thông báo về các trường hợp vi phạm.”.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các tổ chức đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, được tiếp tục kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ theo thời hạn ghi trên Giấy chấp thuận. Khi hết thời hạn ghi trên Giấy chấp thuận, phải hoàn thiện các điều kiện và thực hiện thủ tục chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ theo quy định của Nghị định này.

2. Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, có giá trị sử dụng theo thời hạn ghi trên chứng chỉ và được cấp đổi, cấp lại theo quy định của Nghị định này.

3. Bổ sung Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV, Phụ lục V, Phụ lục VI và Phụ lục VII kèm theo Nghị định này, vào kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTN (3b) pvc 225

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục I

**MẪU GIẤY CHẤP THUẬN CƠ SỞ ĐÀO TẠO
THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**
(Kèm theo Nghị định số: 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GCT-TCĐBVN Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 20...

**GIẤY CHẤP THUẬN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG
ĐƯỜNG BỘ**

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số ... /2016/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2016);

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam thuộc Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của (tên cơ sở đào tạo)..... tại Công văn số ngày tháng năm về việc chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ cho

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ.....,

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

1. Chấp thuận (cơ sở đào tạo):

Địa chỉ:

Số điện thoại:Số Fax:

2. Người đại diện hợp pháp (của cơ sở đào tạo):, chức vụ.....;

Số CMND (hoặc thẻ căn cước, hộ chiếu)....., do..... cấp ngày.... tháng năm 20.....

Là Cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

3. Cơ sở đào tạo phải xuất trình Giấy chấp thuận và chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ GTVT (để b/c);
- Cơ sở đào tạo;
-
- Lưu: Văn thư, (...b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)



Phụ lục II

MẪU CHỨNG CHỈ

THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(Kèm theo Nghị định số: 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHỨNG CHỈ

THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

Ảnh 4 x 6

*(đóng dấu nổi
của cơ quan
trực tiếp
cấp chứng chỉ)*

Cấp cho:

Sinh ngày:

Tại:

Trình độ chuyên môn:

Đã hoàn thành:

Tổ chức tại:

Từ ngày:

Đến ngày:

Hà Nội, ngày..... tháng năm

Số : -

*Có giá trị đến
ngày ... tháng ... năm*

Hình thức chứng chỉ:

1. Bìa cứng, một mặt, có kích thước 200 mm x 140 mm, có nền hoa văn chìm hình Quốc huy.

2. Số chứng chỉ bao gồm 02 nhóm số được phân chia bởi dấu “ - ”, cụ thể:

- Nhóm 1: có 02 chữ số ghi 02 số cuối của năm cấp chứng chỉ;

- Nhóm 2: có 09 chữ số ghi số thứ tự chứng chỉ.



Phụ lục III

MẪU TỜ TRÌNH CẤP CHỨNG CHỈ THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
(Kèm theo Nghị định số: 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

..... (2).....
..... (1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-....., ngày..... tháng..... năm 20...

TỜ TRÌNH

Cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

Thực hiện Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2016);

Thực hiện Kế hoạch đào tạo số/ ngày ... tháng năm 20.... của (1).....

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày ... tháng năm 20..... của ...(1)... về việc công nhận kết quả thi thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ của lớp..., khóa...;(1)...., đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam xem xét, cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ với các nội dung dưới đây:

1. Tên cơ sở đào tạo:(1).....;

Địa chỉ:.....;

Điện thoại.....; Fax:

2. Tóm tắt quá trình đào tạo (chương trình, kế hoạch, số lượng học viên tham gia khóa học, kết quả thi, v.v...).

3. Số lượng chứng chỉ đề nghị cấp:chứng chỉ.

Danh sách học viên đề nghị cấp chứng chỉ theo Quyết định công nhận kết quả thi số /QĐ-..... ngày ... tháng năm 20.... (học viên có kết quả thi đạt yêu cầu)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
-(2)..... (để b/c);
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên cơ sở đào tạo;
- (2): Tên cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ sở đào tạo (nếu có).



Phụ lục IV

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ
THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**
(Kèm theo Nghị định số: 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, CẤP LẠI
CHỨNG CHỈ THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

Ảnh màu
4 x 6cm
(kiểu thẻ
căn cước)

Tôi là:..... Quốc tịch:.....;
Sinh ngày:.....tháng.....năm;
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:;
Nơi cư trú:.....;
Số CMND (hoặc thẻ căn cước, hộ chiếu):....., do
cấp ngày.....tháng năm 20.....

Tôi đã tham gia khóa đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ
do(1) tổ chức tại:.....

Tôi đã được Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp chứng chỉ thẩm tra viên an
toàn giao thông đường bộ; thông tin về chứng chỉ:

- + Số chứng chỉ:
 - + Ngày cấp chứng chỉ:
 - + Có giá trị đến ngày
- Đề nghị cho tôi được đổi (hoặc cấp lại chứng chỉ)
Lý do:.....(2).....

Xin gửi kèm theo:

- 02 (hai) ảnh màu kiểu thẻ căn cước cỡ 4cm x 6cm;

- Bản khai kinh nghiệm thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ, thiết
kế, thẩm định phê duyệt xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trong
khoảng thời gian có hiệu lực của chứng chỉ xin cấp đổi (đối với trường hợp cấp đổi).

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày.....tháng.....năm 20....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Hướng dẫn ghi:

(1): Tên cơ sở đào tạo.

(2): Trường hợp cấp đổi chứng chỉ ghi lý do là chứng chỉ hết thời hạn sử dụng; trường hợp cấp
lại chứng chỉ ghi lý do là chứng chỉ bị mất hoặc bị hư hỏng.



Phụ lục VI
MẪU CÔNG VĂN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO THẨM TRA VIÊN ATGT ĐƯỜNG BỘ
(Kèm theo Nghị định số: 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

..... (2).....
 (1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /....., ngày..... tháng..... năm 20...

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

..... (1)..... là (3).....

Đối chiếu với quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số ... /2016/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2016), (1)..... có đủ điều kiện để kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

..... (1)..... trân trọng đề nghị được chấp thuận là cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ với các thông tin chính như sau:

- 1. Tên cơ sở đào tạo: (1).....;
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:Số Fax:
- Mã số doanh nghiệp (nếu có):

2. Người đại diện hợp pháp của cơ sở đào tạo:, chức vụ.....
 Số CMND (hoặc thẻ căn cước, hộ chiếu)....., do..... cấp ngày....

tháng năm 20.....

Xin gửi kèm theo công văn này các tài liệu:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ hoặc Quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật); (4)
- kê khai về cơ sở vật chất;
- Danh sách giảng viên, cán bộ quản lý (có kê khai về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong hoạt động nghề nghiệp) kèm theo bản sao hợp đồng giảng dạy hoặc hợp đồng lao động;
- Chương trình, tài liệu giảng dạy (dự thảo).

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
-(2)..... (để b/c);
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ CÓ
NHU CẦU

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, đơn vị có nhu cầu;
- (2): Tên tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp (nếu có) của tổ chức, đơn vị có nhu cầu;
- (3): Tổ chức, đơn vị có nhu cầu tự giới thiệu ngắn gọn về mình;
- (4): Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu điện phải là bản sao có chứng thực; trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại văn phòng cơ quan Tổng cục ĐBVN nếu là bản sao phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu.



Phụ lục VII

**MẪU CÔNG VĂN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHẤP THUẬN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO THẨM TRA VIÊN ATGT ĐƯỜNG BỘ**
(Kèm theo Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

..... (2).....
..... (1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /....., ngày..... tháng..... năm 20...

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

..... (1)..... đã được Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ số...../GCT-TCĐBVN ngày..... tháng năm 20....; các thông tin chính như sau:

1. Tên cơ sở đào tạo: (1).....;

Địa chỉ:

Số điện thoại:Số Fax:

Mã số doanh nghiệp (nếu có):

2. Người đại diện hợp pháp của cơ sở đào tạo:, chức vụ.....;

Số CMND (hoặc thẻ căn cước, hộ chiếu)....., do..... cấp ngày.... tháng năm 20....

..... (1)..... trân trọng đề nghị được cấp lại Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

Lý do..... (3).....

Xin gửi kèm theo công văn này Giấy chấp thuận số...../GCT-TCĐBVN đã bị hư hỏng. (4)

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
-(2)..... (để b/c);
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên cơ sở đào tạo có nhu cầu cấp lại Giấy chấp thuận;
- (2): Tên tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp (nếu có) của cơ sở đào tạo;
- (3): Ghi lý do: Giấy chấp thuận bị mất hoặc bị hư hỏng;
- (4): Chỉ ghi dòng này trong trường hợp Giấy chấp thuận bị hư hỏng.